

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và 83, 110, 116 và 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 309/2020/HNST ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Cao Anh T, sinh năm: 1986; địa chỉ: phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Thị Cẩm T, sinh năm: 1988; thường trú: 279C/1, ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; tạm trú: Số 65 Đường 81, tổ 12, khu phố 1, phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Cao Anh T và bà Lê Thị Cẩm T được xác lập vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Cao Anh T và bà Lê Thị Cẩm T được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét thấy tình cảm giữa ông Nguyễn Cao Anh T và bà Lê Thị Cẩm T đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông

Nguyễn Cao Anh T và bà Lê Thị Cẩm T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Có hai con chung họ và tên:

Nguyễn Cao Uyên T, sinh ngày: 23/01/2015;

Nguyễn Cao Nguyên T, sinh ngày: 23/01/2015.

Sau khi ly hôn cả hai thống nhất giao hai trẻ Nguyễn Cao Uyên T, sinh ngày 23/01/2015 và Nguyễn Cao Nguyên T, sinh ngày 23/01/2015 cho bà Lê Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Cao Anh T cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/8/2020.

Ông Nguyễn Cao Anh T, bà Lê Thị Cẩm T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng giữa ông Nguyễn Cao Anh T và bà Lê Thị Cẩm T là tự nguyện và phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.

[6] Về lệ phí việc dân sự: ông Nguyễn Cao Anh T và bà Lê Thị Cẩm T chịu lệ phí theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Cao Anh T và bà Lê Thị Cẩm T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 391/2013, quyền số 02/2013 do Ủy ban nhân dân xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 27 tháng 12 năm 2013).

- Về con chung: Có hai con chung là trẻ Nguyễn Cao Uyên T, sinh ngày: 23/01/2015; Nguyễn Cao Nguyên T, sinh ngày: 23/01/2015. Sau khi ly hôn cả hai thống nhất giao hai trẻ Nguyễn Cao Uyên T và Nguyễn Cao Nguyên T cho bà Lê Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Cao Anh T cấp dưỡng cho hai con mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/8/2020 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm

dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Cao Anh T, bà Lê Thị Cẩm T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp ông Nguyễn Cao Anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Nguyễn Cao Anh T phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì được hiện theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung: ông Nguyễn Cao Anh T và bà Lê Thị Cẩm T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: ông Nguyễn Cao Anh T và bà Lê Thị Cẩm T cam kết không có nợ chung.

**2.** Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị Cẩm T và ông Nguyễn Cao Anh T phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0032642 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Ủy ban nhân dân xã Phước Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ TK Trang (10).

**THẨM PHÁN**  
**(Đã ký)**

**Bùi Viết Bình**